

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường,
phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung
bởi Nghị định số 82/2023/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
05/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân
quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi
Thông tư số 31/2023/TT-BTC;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn
về phí và lệ phí thuộc quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và
Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;*

*Xét Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định về phí thẩm định báo cáo đánh
giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn
tỉnh Đồng Nai; Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy
ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 644/BC-BKTNS ngày 28 tháng 11 năm
2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*



Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Nghị quyết này quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh do cơ quan địa phương thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

b) Tổ chức, cá nhân liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tổ chức thu phí:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư nằm ngoài khu công nghiệp;

- Thu phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường các dự án, cơ sở khai thác khoáng sản.

b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế: Thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức thẩm định.

4. Mức thu phí:

a) Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Đơn vị tính: đồng

Nhóm dự án	Tổng vốn đầu tư				
	≤ 50 tỷ	> 50 tỷ và ≤ 100 tỷ	> 100 tỷ và ≤ 200 tỷ	> 200 tỷ và ≤ 500 tỷ	> 500 tỷ
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5.000.000	6.500.000	12.000.000	14.000.000	17.000.000
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6.900.000	8.500.000	15.000.000	16.000.000	25.000.000

Tổng vốn đầu tư Nhóm dự án	≤ 50 tỷ	> 50 tỷ và ≤ 100 tỷ	> 100 tỷ và ≤ 200 tỷ	> 200 tỷ và ≤ 500 tỷ	> 500 tỷ
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông)	7.500.000	9.500.000	17.000.000	18.000.000	25.000.000
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	10.000.000	11.700.000	19.200.000	20.200.000	26.000.000
Nhóm 5. Dự án giao thông	8.100.000	10.000.000	18.000.000	20.000.000	25.000.000
Nhóm 6. Dự án công nghiệp	8.400.000	10.500.000	19.000.000	20.000.000	26.000.000
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5.000.000	6.000.000	10.800.000	12.000.000	15.600.000

Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất.

Đối với trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường thẩm định lần đầu không được thông qua phải thực hiện thẩm định lại thì mức thu phí bằng 100% mức thu phí thẩm định lần đầu tương ứng trong Bảng nêu trên.

b) Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường:

Đơn vị tính: đồng

Tổng vốn đầu tư Nhóm dự án	≤ 50 tỷ	> 50 tỷ và ≤ 100 tỷ	> 100 tỷ và ≤ 200 tỷ	> 200 tỷ và ≤ 500 tỷ	> 500 tỷ
Dự án đầu tư, cơ sở khai thác khoáng sản	5.000.000	6.000.000	10.800.000	12.000.000	15.600.000

Đối với trường hợp phương án cải tạo phục hồi môi trường thẩm định lần đầu không được thông qua phải thực hiện thẩm định lại thì mức thu phí bằng 100% mức thu phí thẩm định lần đầu tương ứng trong Bảng nêu trên.

5. Đối tượng miễn nộp phí:

- Người cao tuổi;
- Người khuyết tật;
- Người có công với cách mạng;
- Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

6. Quản lý và sử dụng phí:

- Cơ quan thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thẩm định, thu phí do ngân sách

nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Các nội dung liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí được thực hiện theo quy định Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2023/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 12 năm 2025.

2. Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tương ứng trong Biểu mức thu phí quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết này khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

4. Nghị quyết này bãi bỏ các quy định:

a) Điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Quy định về mức thu phí thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm

2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về quy định về mức thu phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025. /

Nơi nhận: *Ruor*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh

ĐỒNG